ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
Số: 531 /QĐ - ĐHYD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên năm thứ nhất Học kỳ I năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/NĐ-CP của Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-ĐHYD ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập của Trường Đại học Y - Dược ngày 17 tháng 3 năm 2023;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2022-2023 cho 60 sinh viên năm thứ nhất hệ chính quy với tổng số tiền là: **479.050.000** đồng

(Bốn trăm bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Thời gian hưởng: 5 tháng (từ tháng 10/2022 đến hết tháng 02/2023).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, phòng Đào tạo, phòng Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (thi hành);
- Lưu: VT, CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Nguyễn Kiều Giang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP DÀNH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo quyết định số 531 /QĐ - ĐHYD ngày 27 tháng 3 năm 2023)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Tên lớp	Số lượng sinh viên hưởng học bổng khuyến khích học tập				Tổng số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền/học kỳ
		Loại Xuất sắc 1.716.000đ/tháng		Loại Giỏi 1.573.000đ/tháng				
		Số SV	Thành tiền	Số SV	Thành tiền			
1	Y.K55	5	8.580.000	27	42.471.000	51.051.000	5	255.255.000
2	YHDP.K16	1	1.716.000	2	3.146.000	4.862.000	5	24.310.000
3	YRHM. K15	1	1.716.000	1	1.573.000	3.289.000	5	16.445.000
4	DHD.K18	1	1.716.000	10	15.730.000	17.446.000	5	87.230.000
5	CNDDCQ.K19	0	-	9	14.157.000	14.157.000	5	70.785.000
6	XNYH.K6	1	1.716.000	1	1.573.000	3.289.000	5	16.445.000
7	HỘ SINH K2	1	1.716.000	0	-	1.716.000	5	8.580.000
	Tổng	**10**	**17.160.000**	**50**	**78.650.000**	**95.810.000**		**479.050.000**

Ấn định số sinh viên được hưởng học bổng khuyến khích học tập là 60 sinh viên.
Ấn định số tiền học bổng khuyến khích học tập 05 tháng là 479.050.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phan Thị Kim Huệ

KT. TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV

Ths. Lê Thị Lựu

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Kiều Giang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

Học kỳ I - Năm học 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 531 /QĐ-ĐHYD ngày 27 tháng 3 năm 2023)

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	PTXT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm chưa có UT	Loại HB	Số tiền HB/tháng	Số tháng được hưởng	Số tiền HB/học kỳ	Lớp
1	DTY2257201010385	Trần Lê Thái	Linh	20/11/2004	100	Thủ khoa				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	Y.K55E
2	DTY2257201010148	Nguyễn Đỗ Hoàng	Dương	08/06/2004	301	Tuyển thẳng				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	Y.K55I
3	DTY2257201010188	Hoàng Minh Phúc	Hải	12/06/2004	301	Tuyển thẳng				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	Y.K55I
4	DTY2257201010320	Cao Quốc	Khánh	04/02/2004	301	Tuyển thẳng				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	Y.K55E
5	DTY2257201010410	Nguyễn Ngọc Hương	Ly	01/04/2004	301	Tuyển thẳng				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	Y.K55L
6	DTY2257201010388	Vũ Thị Thùy	Linh	27/03/2004	100	9	9,25	8,75	27,00	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55I
7	DTY2257201010520	Trần Linh	Phi	28/11/2004	100	9	9,5	8,5	27,00	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55L
8	DTY2257201010225	Nguyễn Trung	Hiếu	20/05/2004	100	9,2	8,25	9,5	26,95	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55E
9	DTY2257201010181	Phạm Ngọc	Hà	11/07/2004	100	8,6	9,5	8,75	26,85	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55A
10	DTY2257201010269	Tống Đức	Hùng	01/06/2004	100	8,6	9,5	8,6	26,70	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K
11	DTY2257201010135	Nguyễn Tiến	Dũng	01/01/2004	100	9,2	9	8,5	26,70	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55E
12	DTY2257201010150	Hoàng Quốc	Duy	23/06/2004	100	9,2	8,5	9	26,70	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55L
13	DTY2257201010393	Nguyễn Thị	Loan	23/11/2004	100	9,2	9,25	8,25	26,70	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55C
14	DTY2257201010019	Nguyễn Kim	Anh	19/01/2004	100	8,4	9,25	9	26,65	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	PTXT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm chưa có UT	Loại HB	Số tiền HB/tháng	Số tháng được hưởng	Số tiền HB/học kỳ	Lớp
15	DTY2257201010441	Phạm Hoàng	Minh	31/12/2004	100	8,4	9,25	9	26,65	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55A
16	DTY2257201010637	Nguyễn Khánh	Toàn	02/08/2004	100	8,4	9,75	8,5	26,65	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55B
17	DTY2257201010191	Lê Kiều	Hân	26/11/2004	100	8,6	9,5	8,5	26,60	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55A
18	DTY2257201010324	Nguyễn Ngọc	Khuê	15/09/2004	100	8,2	9	9,4	26,60	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55D
19	DTY2257201010489	Nguyễn Vũ Đăng	Nguyên	16/10/2004	100	8,6	9,25	8,75	26,60	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K
20	DTY2257201010589	Trần Viết	Thành	05/02/2004	100	8,6	9,25	8,75	26,60	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K
21	DTY2257201010449	Nguyễn Trà	My	09/12/2004	100	8,8	9	8,75	26,55	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K
22	DTY2257201010242	Dương Nghĩa	Hoan	04/10/2004	100	9	9,25	8,25	26,50	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55B
23	DTY2257201010069	Trần Thị Quỳnh	Chi	13/01/2004	200				29,37	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K
24	DTY2257201010082	Nguyễn Văn	Chung	04/08/2004	200				29,13	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55B
25	DTY2257201010011	Đặng Vân	Anh	21/11/2004	200				29,12	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55A
26	DTY2257201010359	Đậu Nguyễn Huyền	Linh	04/06/2004	200				29,08	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K
27	DTY2257201010688	Nguyễn Thị Thanh	Vân	15/01/2004	200				28,80	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55I
28	DTY2257201010608	Phạm Minh	Thu	04/02/2004	200				28,75	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55I
29	DTY2257201010537	Trần Mai	Phương	25/12/2004	200				28,57	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55H
30	DTY2257201010466	Ngô Thị	Ngân	01/01/2004	200				28,47	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55G
31	DTY2257201010679	Ma Ngọc	Tùng	24/04/2004	303					Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55K
32	DTY2257201010583	Bùi Xuân	Thành	09/03/2004	402					Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	Y.K55C

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	PTXT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm chưa có UT	Loại HB	Số tiền HB/tháng	Số tháng được hưởng	Số tiền HB/học kỳ	Lớp
33	DTY2257201100010	Dương Hải	Đăng	30/07/2004	100	Thủ khoa				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	YHDP.K16
34	DTY2257201100052	Nguyễn Quang	Sáng	21/08/2004	100	8,2	8,5	8,5	25,20	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K16
35	DTY2257201100028	Phùng Thế	Huy	23/03/2003	100	8,4	7,75	9	25,15	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YHDP.K16
36	DTY2257205010025	Đặng Gia	Khánh	13/01/2004	100	Thủ khoa				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	YRHM.K15
37	DTY2257205010051	Trần Thị	Thảo	01/05/2004	200				28,68	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	YRHM.K15
38	DTY2257202010141	Nguyễn Thị Phương	Mai	09/01/2004	100	Thủ khoa				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	DHD.K18A
39	DTY2257202010058	Bạch Thanh	Hải	01/10/2003	100	8,4	9,5	9,2	27,10	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18B
40	DTY2257202010173	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	15/02/2004	100	8,6	9	8,25	25,85	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18C
41	DTY2257202010013	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2004	100	8,4	8,75	8,5	25,65	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18A
42	DTY2257202010235	Trần Thị Phương	Uyên	25/05/2004	100	8,6	8,5	8,5	25,60	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18B
43	DTY2257202010010	Nguyễn Phương	Anh	23/11/2004	100	8,6	8,5	8,4	25,50	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18A
44	DTY2257202010122	Lương Trần Mai	Linh	11/07/2004	100	8,2	9	8,25	25,45	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18C
45	DTY2257202010059	Lê Hoàng	Hải	30/09/2004	100	8,4	8,75	8,25	25,40	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18C
46	DTY2257202010081	Đinh Văn	Hoà	25/11/2004	100	8,4	9	8	25,40	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18A
47	DTY2257202010149	Khiếu Đức	Nam	08/02/2004	200				27,43	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18C
48	DTY2257202010140	Nguyễn Hồng	Mai	13/12/2004	200				27,33	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	DHD.K18C
49	DTY2257203010169	Ngô Thị Kim	Oanh	09/06/2004	100	8,8	7,5	8,25	24,55	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19A
50	DTY2257203010244	Nguyễn Bùi Thanh	Trúc	25/01/2004	100	8	8,25	8,25	24,50	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19B

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	PTXT	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm chưa có UT	Loại HB	Số tiền HB/tháng	Số tháng được hưởng	Số tiền HB/học kỳ	Lớp
51	DTY2257203010130	Nguyễn Thị Thanh	Mai	28/03/2003	100	8,6	7,25	8,25	24,10	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19B
52	DTY2257203010116	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	19/08/2004	100	7,8	8,5	7,5	23,80	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19A
53	DTY2257203010212	Trịnh Minh	Thu	11/10/2004	100	8,2	8	7,5	23,70	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19A
54	DTY2257203010224	Nguyễn Thị	Thùy	01/12/2004	100	8,2	8,5	7	23,70	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19B
55	DTY2257203010012	Nguyễn Phương	Anh	31/05/2004	100	8	8,5	7,2	23,70	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19C
56	DTY2257203010054	Nguyễn Thị Thanh	Hải	07/11/2004	200				26,62	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19B
57	DTY2257203010162	Vũ Thanh	Nhàn	05/06/2004	200				26,13	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	CNDDCQ.K19B
58	DTY2257206010053	Nguyễn Hồng	Phú	23/01/2004	100	Thủ khoa				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	KTXNYH.K6
59	DTY2257206010046	Lê Diệu	Ngân	20/10/2004	200				27,00	Giỏi	1.573.000	5	7.865.000	KTXNYH.K6
60	DTY2257203020001	Đoàn Minh	Anh	31/10/2004	100	Thủ khoa				Xuất sắc	1.716.000	5	8.580.000	HOSINH.K2
					Tổng								**479.050.000**	

Ấn định số sinh viên được hưởng học bổng khuyến khích học tập là 60 sinh viên.

Ấn định số tiền chi học bổng khuyến khích học tập là 479.050.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phan Thị Kim Huệ

KT. TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV

ThS. Lê Thị Lựu

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Kiều Giang